

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	9 - 33

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV. Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV được thành lập theo Quyết định số 66/2003/QĐ/BNN-TCCB ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0113543 ngày 04 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 400.000.000.000 đồng (*Bốn trăm tỷ đồng*).

Theo Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Rau quả, nông sản. Ngày 04/01/2016 Tổng Công ty được chuyển sang hình thức Công ty Cổ phần và chính thức đổi tên thành **Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần** theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101385740 thay đổi lần 2 ngày 04 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. vốn điều lệ của Tổng Công ty là 713.000.000.000 đồng (*Bảy trăm mười ba tỷ đồng*).

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101385740 thay đổi lần 6 ngày 31 tháng 07 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp là 1.422.939.000.000 đồng (*Một nghìn, bốn trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu đồng*).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 12, tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, phường Đống Mác, quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần trong kỳ và cho đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Xuân Sơn	Chủ tịch HĐQT
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Lê Anh Dũng	Thành viên
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên

Ban Kiểm soát

Nguyễn Mạnh Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát
Đinh Thị Hào	Thành viên
Trần Văn Quỳnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Anh Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Kha	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện nêu tại mục 7.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



TÔNG GIÁM ĐỐC
Lê Anh Dũng

Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2021

Số: 195/2021/BCSX-CPA VIETNAM- NV1

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần được lập ngày 23 tháng 8 năm 2021, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		2.011.557.726.091	1.639.342.750.001
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	15.934.893.187	80.041.637.347
1. Tiền	111		5.934.893.187	17.041.637.347
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	63.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	13.244.397.672	13.240.087.929
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13.244.397.672	13.240.087.929
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.848.635.804.789	1.510.936.368.965
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.722.298.900.305	932.634.762.331
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	43.358.807.098	51.895.799.182
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	111.580.488.671	555.008.198.737
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(28.602.391.285)	(28.602.391.285)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	111.532.743.467	18.451.063.921
1. Hàng tồn kho	141		111.708.186.464	20.948.313.974
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(175.442.997)	(2.497.250.053)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.209.886.976	16.673.591.839
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	259.053.199	672.596.879
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.876.403.454	15.991.322.064
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.9	74.430.323	9.672.896
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+ 240+250+260)	200		984.275.676.864	929.320.452.202
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.027.000.000	7.440.423.100
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	7.027.000.000	7.440.423.100
II. Tài sản cố định	220		29.767.302.651	31.714.146.896
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	27.663.908.657	29.561.782.272
- Nguyên giá	222		97.400.051.698	96.653.051.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.736.143.041)	(67.091.269.426)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	2.103.393.994	2.152.364.624
- Nguyên giá	228		3.915.426.876	3.915.426.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.812.032.882)	(1.763.062.252)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		267.185.150.510	207.951.208.970
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	267.185.150.510	207.951.208.970
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	592.075.703.004	592.075.703.004
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		464.099.145.060	464.099.145.060
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		127.976.557.944	127.976.557.944
VI. Tài sản dài hạn khác	260		88.220.520.699	90.138.970.232
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	88.220.520.699	90.138.970.232
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.995.833.402.955	2.568.663.202.203

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.214.144.223.299	1.789.481.639.580
I. Nợ ngắn hạn	310		1.841.796.366.566	1.321.802.094.309
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	1.608.589.994.627	1.182.249.205.896
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	101.655.233.643	481.316.580
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	2.261.455.402	2.450.740.979
4. Phải trả người lao động	314		1.277.068.110	1.037.197.487
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	2.939.192.149	1.427.346.598
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	602.671.516	694.075.730
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	120.644.640.080	129.440.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.826.111.039	4.022.211.039
II. Nợ dài hạn	330		372.347.856.733	467.679.545.271
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	288.068.110.063	426.791.318.317
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	84.279.746.670	40.888.226.954
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		781.689.179.656	779.181.562.623
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	781.689.179.656	779.181.562.623
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		713.000.000.000	713.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		713.000.000.000	713.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		68.689.179.656	66.181.562.623
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		66.181.562.623	37.494.931.040
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.507.617.033	28.686.631.583
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.995.833.402.955	2.568.663.202.203

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh

Tổng Giám đốc



Lê Anh Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.287.744.241.220	2.859.305.539.841
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.462.000	1.058.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.287.739.779.220	2.859.304.481.841
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.289.184.811.333	2.863.600.182.365
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(1.445.032.113)	(4.295.700.524)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	32.768.732.148	149.295.470.629
7. Chi phí tài chính	22	6.4	9.724.538.694	110.474.444.968
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.034.633.347	21.825.298.617
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	5.427.303.640	5.609.159.792
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	13.437.212.417	16.373.563.160
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		2.734.645.284	12.542.602.185
11. Thu nhập khác	31	6.6	4.823.646	340.772.464
12. Chi phí khác	32	6.6	231.851.897	9.776.861.584
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(227.028.251)	(9.436.089.120)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		2.507.617.033	3.106.513.065
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.507.617.033	3.106.513.065
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	35,17	43,57
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.8	17,62	43,57

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh

Tổng Giám đốc



Lê Anh Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.507.617.033	3.106.513.065
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.644.873.615	3.102.096.585
- Các khoản dự phòng	03		-	14.829.246.732
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	40.974.828
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(31.855.417.578)	6.068.797.571
- Chi phí lãi vay	06		8.034.633.347	21.825.298.617
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(18.668.293.583)	48.972.927.398
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(312.364.012.670)	1.450.775.984.211
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(93.081.679.546)	235.303.044.578
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		388.165.293.157	(1.375.433.129.987)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.331.993.213	(71.628.189.686)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.088.841.694)	(21.825.298.617)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(12.936.625.357)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(101.344.611)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(39.705.541.123)	253.127.367.929
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(59.980.941.540)	(4.241.809.560)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		983.578.707	2.947.952.141
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(58.997.362.833)	(1.293.857.419)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		43.391.519.716	12.160.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.795.359.920)	(368.625.472.240)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		34.596.159.796	(356.465.472.240)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(64.106.744.160)	(104.631.961.730)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	80.041.637.347	174.569.932.195
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(542.643)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	5.1	15.934.893.187	69.937.427.822

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Linh

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV. Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV được thành lập theo Quyết định số 66/2003/QĐ/BNN-TCCB ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0113543 ngày 04 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỷ đồng).

Theo Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Rau quả, nông sản. Ngày 04/01/2016 Tổng Công ty được chuyển sang hình thức Công ty Cổ phần và chính thức đổi tên thành **Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần** theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101385740 thay đổi lần 2 ngày 04 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. vốn điều lệ của Tổng Công ty là 713.000.000.000 đồng (Bảy trăm mười ba tỷ đồng).

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101385740 thay đổi lần 6 ngày 31 tháng 7 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp là 1.422.939.000.000 đồng (Một nghìn, bốn trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 12, tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021 là 175 (tại ngày 31/12/2020 là 183).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Sản xuất, kinh doanh giống cây nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi;
- Trồng rừng và khai thác lâm sản khai thác trừ gỗ;
- Hoạt động dịch vụ nông nghiệp;
- Khai thác, nuôi trồng, sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm, đồ uống, thịt, sản phẩm từ thịt, hàng hóa nông sản;
- Sản xuất, kinh doanh, chế biến hàng nông sản;
- Sản xuất sản phẩm từ nhựa, thủy tinh, vật liệu từ đất sét, máy móc nông nghiệp, máy chế biến thực phẩm;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng rau quả, nông sản phẩm, vật tư thiết bị;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin; và Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (trừ hóa chất Nhà nước cấm)

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ: Kinh doanh hàng hóa nông sản.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do Tổng Công ty chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Tổng Công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2021, Tổng Công ty có các Công ty liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

TT	Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu vốn của Tổng Công ty (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
Đầu tư vào Công ty liên kết				
1	Công ty TNHH Liên doanh TOVECAN	22,64	22,64	Sản xuất vỏ hộp
2	Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - CTCP (VEGECAM)	45,00	45,00	Kinh doanh vật tư nông nghiệp
3	Công ty CP Kinh Doanh và Đầu tư Việt Hà	36,10	36,10	Đầu tư
4	Công ty CP Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng	36,00	36,00	Xây dựng, vật liệu
5	Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower	32,36	32,36	Sản xuất, Kinh doanh nước giải khát

Các đơn vị trực thuộc

1. Công ty Giống Rau quả Trung Ương - Chi nhánh Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – CTCP.
2. Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội tại ngày 30/06/2021.

(ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội tại ngày 30/06/2021.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 -50
Máy móc và thiết bị	03
Phương tiện vận tải	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 03

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là:

- Quyền sử dụng đất: Là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 33 năm.

- Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Tổng Công ty đã đánh giá lại giá trị Tài sản cố định đã hết khấu hao để cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, thời điểm trích khấu hao của các Tài sản cố định được đánh giá lại là thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh chuyển thành Công ty Cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 01 đến 02 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tổng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 23 đến 38 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty bao gồm cả các khoản phải trả gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và Công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Trong kỳ, Tổng Công ty phát sinh lãi vay vốn hóa cho dự án “Xây dựng tòa nhà hỗn hợp gồm chung cư, văn phòng và kinh doanh dịch vụ thương mại” - Số 02 phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội. Theo Hợp đồng vay số KH1-200166/HĐCVDAĐT/VEGETEXCO ngày 22/9/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số SĐ01 - ĐCVDAĐT ngày 23/10/2020.

Trong kỳ, có 2.727.648.226 đồng (Năm 2020: 622.701.010 đồng) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Tổng Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước theo hợp đồng vay.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá nông sản.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết và lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh rau quả, nông sản và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	316.157.170	233.915.749
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.618.736.017	16.807.721.598
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	63.000.000.000
Tổng	15.934.893.187	80.041.637.347

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long, lãi suất 4,8%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2021(VND)		01/01/2021(VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	13.244.397.672	13.244.397.672	13.240.087.929	13.240.087.929
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	13.244.397.672	13.244.397.672	13.240.087.929	13.240.087.929

(*) 13.000.000.000 gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5.3%/năm; và 244.397.672 đ là tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 3.6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi số	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	464.099.145.060	(*)	-	464.099.145.060
Công ty TNHH Liên doanh TOVECAN	27.719.562.751		-	27.719.562.751
Tổng Công ty Vật Tư Nông Nghiệp - CTCP (VEGECAM)	99.990.000.000		-	99.990.000.000
Công ty CP Kinh Doanh và Đầu Tư Việt Hà	280.356.698.900		-	280.356.698.900
Công ty CP XD và Sản xuất Vật liệu xây dựng.	1.155.755.413		-	1.155.755.413
Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower	54.877.127.996		-	54.877.127.996
	30/6/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)
Đầu tư vào đơn vị khác	127.976.557.944	(*)	-	127.976.557.944
Công ty TNHH Liên doanh Crown Hà Nội	80.421.436.800		-	80.421.436.800
Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông lâm sản Chế biến (i)	2.430.117.352		-	2.430.117.352
Công ty Rau quả tiền Giang	3.125.003.792		-	3.125.003.792
Công ty CP Xuất nhập khẩu hạt điều và Nông sản thực phẩm TP HCM	42.000.000.000		-	42.000.000.000
Tổng	592.075.703.004		-	592.075.703.004

(*) Các khoản đầu tư của Tổng Công ty chưa niêm yết nên chưa xác định được giá trị hợp lý, Chế độ Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý dựa trên các phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá ghi số.

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/NQ-HĐQT ngày 29/12/2020, Tổng Công ty thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty CP Xuất nhập khẩu nông lâm sản chế biến, tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tổng Công ty vẫn chưa thực hiện việc thoái vốn nêu trên.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.3 Phải thu của khách hàng

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.722.298.900.305	932.634.762.331
Công ty Cổ phần Điều Organic Bissau	217.218.242.000	587.283.642.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	268.114.071.950	301.114.071.950
Công ty CP xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	455.482.445.740	-
Công ty CP kinh doanh và thương mại Thịnh Phát	701.795.279.010	-
Các đối tượng khác	79.688.861.605	44.237.048.381
Tổng	1.722.298.900.305	932.634.762.331

5.4 Phải thu khác

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	111.580.488.671	(4.836.866.632)	555.008.198.737	(4.836.866.632)
Tạm ứng	4.665.314.085	-	2.512.897.056	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
Phải thu khác	90.708.724.871	-	535.635.960.616	-
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T</i>	-	-	506.954.916	-
<i>Phạm Văn Tiến (1)</i>	64.000.000.000	-	478.316.505.700	-
<i>Đặng Văn Đông</i>	-	-	11.812.500.000	-
<i>Lưu Nguyễn Chí Nhân</i>	-	-	45.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH Liên doanh Crown Hà Nội (2)</i>	22.850.354.670	-	-	-
<i>Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (3)</i>	3.858.370.201	-	-	-
Các khoản khác	16.206.449.715	(4.836.866.632)	16.859.341.065	(4.836.866.632)
Dài hạn	7.027.000.000	-	7.440.423.100	-
Ký cược, ký quỹ	6.703.576.900	-	7.117.000.000	-
Các khoản khác	323.423.100	-	323.423.100	-
Tổng	118.607.488.671	(4.836.866.632)	562.448.621.837	(4.836.866.632)

Trong đó: Phải thu

khác là các bên

26.708.724.871

45.506.954.916

liên quan

(Chi tiết tại thuyết minh 7.3)

- (1) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/2021/HTKD/VEG-PVT ngày 18/01/2021. Theo đó, Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần góp toàn bộ, khoản vốn góp sẽ giao cho ông Phạm Văn Tiến quản lý, có toàn quyền quản lý, sử dụng vốn góp để thực hiện các công việc trong các phương án đầu tư. Thời gian hợp tác dự kiến là 18 tháng kể từ ngày có hiệu lực.
- (2) Cổ tức được chia theo Nghị quyết Hội đồng thành viên số 03/2021 của Công ty TNHH Liên doanh Crown Hà Nội.
- (3) Cổ tức được chia theo Nghị quyết Hội đồng thành viên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/06/2021 của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.5 Trả trước cho người bán

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Trả trước người bán ngắn hạn	43.358.807.098	51.895.799.182
Gomes & Gomes, S.A	36.880.249.061	36.880.249.061
Công ty CP Tư vấn dự án & Giải pháp XD công trình Việt Nam	-	10.569.195.527
Công ty TNHH MTV Phát triển khu công nghệ cao Láng Hòa Lạc	4.139.992.000	-
Đối tượng khác	2.338.566.037	4.446.354.594
Tổng	43.358.807.098	51.895.799.182

5.6 Nợ xấu

	30/6/2021(VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>	47.390.352.204	18.787.960.919	47.390.352.204	18.787.960.919
Chesapeake Imports LLC	3.748.659.854	-	3.748.659.854	-
Công ty TNHH Thành Yên	588.012.703	-	588.012.703	-
Nhà máy chế biến thực phần xuất khẩu Bắc Giang	898.008.849	-	898.008.849	-
Công ty TNHH Hương Anh	479.948.299	-	479.948.299	-
Công ty Liên doanh LUECO	1.370.244.949	-	1.370.244.949	-
Công ty CP thực phẩm xuất khẩu Hưng Yên	572.549.294	-	572.549.294	-
Công ty TNHH Việt Nga	478.336.693	-	478.336.693	-
GOMES & GOMES, S.A	36.880.249.061	18.440.125.061	36.880.249.061	18.440.125.061
Đối tượng khác	2.374.342.502	347.835.858	2.374.342.502	347.835.858
Tổng	47.390.352.204	18.787.960.919	47.390.352.204	18.787.960.919

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.7 Hàng tồn kho

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.267.268.747	-	6.020.716.424	-
Công cụ, dụng cụ	1.638.425.872	-	1.285.574.959	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	2.295.832.596	-
Thành phẩm	1.058.536.394	-	9.506.327.897	(2.321.807.056)
Hàng hoá	103.743.955.451	(175.442.997)	1.839.862.098	(175.442.997)
Tổng	111.708.186.464	(175.442.997)	20.948.313.974	(2.497.250.053)

Trong kỳ, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 2.321.807.056 đồng, do đã bán trong kỳ.

5.8 Chi phí trả trước

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	259.053.199	672.596.879
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	125.233.391	525.790.903
Chi phí sửa chữa văn phòng	130.410.718	146.805.976
Chi phí ngắn hạn khác	3.409.090	-
Dài hạn	88.220.520.699	90.138.970.232
Tiền thuê đất (*)	86.946.071.317	88.809.210.119
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	611.670.245	1.329.760.113
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	662.779.137	-
Tổng	88.479.573.898	90.811.567.111

(*) Tổng Công ty trả trước tiền thuê đất trả tiền một lần cho các thửa đất mà đơn vị đang quản lý và sử dụng tại Quyền sử dụng đất ở Công ty hợp tác TOVEGAN KCN Vĩnh Lộc, Hồ Chí Minh; Số 58 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội; Thường Tín; Cầu Tiên; Cầu Diễn.

5.9 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2021
	Phải nộp	2.450.740.979	1.082.658.757	1.271.944.334
Thuế giá trị gia tăng	5.363.039	139.971.084	129.822.682	15.511.441
Thuế thu nhập cá nhân	210.609.557	447.979.791	647.413.770	11.175.578
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	490.707.882	490.707.882	-
Các loại thuế khác	2.234.768.383	-	-	2.234.768.383
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phải thu	9.672.896	64.757.427	-	74.430.323
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	9.672.896	64.757.427	-	74.430.323

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.10 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
NGUYỄN GIÁ							
Số dư tại 01/01/2021	65.949.970.678	23.584.079.812	5.393.648.216	1.141.714.173	583.638.819	96.653.051.698	
Tăng trong kỳ	-	747.000.000	-	-	-	747.000.000	
Mua trong kỳ	-	747.000.000	-	-	-	747.000.000	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Số dư tại 30/6/2021	65.949.970.678	24.331.079.812	5.393.648.216	1.141.714.173	583.638.819	97.400.051.698	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2021	48.923.840.023	12.636.596.118	4.675.696.666	702.395.461	152.741.158	67.091.269.426	
Tăng trong kỳ	1.306.006.856	1.081.963.279	121.172.257	123.394.148	12.337.075	2.644.873.615	
Khấu hao trong kỳ	1.306.006.856	1.081.963.279	121.172.257	123.394.148	12.337.075	2.644.873.615	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Số dư tại 30/6/2021	50.229.846.879	13.718.559.397	4.796.868.923	825.789.609	165.078.233	69.736.143.041	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư tại 01/01/2021	17.026.130.655	10.947.483.694	717.951.550	439.318.712	430.897.661	29.561.782.272	
Số dư tại 30/6/2021	15.720.123.799	10.612.520.415	596.779.293	315.924.564	418.560.586	27.663.908.657	

Nguyên giá của Tài sản cố định bao gồm các Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2021 là 693.073.782 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 693.073.782 VND).

Tổng Công ty đã đánh giá lại giá trị Tài sản cố định đã hết khấu hao để cô phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, thời điểm trích khấu hao của các Tài sản cố định được đánh giá lại là thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh chuyển thành Công ty Cổ phần.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.11 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2021	642.379.800	3.273.047.076	3.915.426.876
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2021	<u>642.379.800</u>	<u>3.273.047.076</u>	<u>3.915.426.876</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2021	642.379.800	1.120.682.452	1.763.062.252
Tăng trong kỳ	-	48.970.630	48.970.630
Khấu hao trong kỳ	-	48.970.630	48.970.630
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2021	<u>642.379.800</u>	<u>1.169.653.082</u>	<u>1.812.032.882</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2021	-	2.152.364.624	2.152.364.624
Số dư tại 30/6/2021	-	<u>2.103.393.994</u>	<u>2.103.393.994</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2021 là 642.379.800 VND (ngày 31/12/2020: 642.379.800 VND).

5.12 Tài sản dở dang dài hạn

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án số 2 Phạm Ngọc Thạch (*)	258.872.510.156	200.805.998.967
Dự án 58 Lý Thái Tổ	6.812.447.053	5.714.841.702
Dự án khác	1.500.193.301	1.430.368.301
Tổng	<u>267.185.150.510</u>	<u>207.951.208.970</u>

(*) Dự án xây dựng tòa nhà hỗn hợp gồm chung cư, văn phòng và kinh doanh dịch vụ thương mại. Kinh doanh phát triển nhà ở, thương mại dịch vụ. Quy mô xây dựng: 5 tầng hầm, 24 tầng nổi và 01 tum. Khối đế thương mại dịch vụ từ tầng 1 đến tầng 5, khối tháp căn hộ từ tầng 5 đến tầng 24. Dự án khởi công vào cuối quý 1/2020, dự kiến hoàn thành và đưa vào khai thác từ cuối quý 2/2022. Tổng mức đầu tư của dự án bao gồm cả lãi vay là 996,906 tỷ đồng. Giá trị Quyền sử dụng đất dùng để thế chấp cho khoản vay là: 164.848.084.927 đồng.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.13 Phải trả người bán

	30/6/2021		01/01/2021		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngắn hạn	1.608.589.994.627	1.608.589.994.627	1.182.249.205.896	1.182.249.205.896	
Công ty CP Đầu tư XD và TM Tín Phát	-	-	177.603.736.430	177.603.736.430	
Công ty Cổ phần Nông nghiệp An Điền	265.152.207.900	265.152.207.900	298.127.367.900	298.127.367.900	
Công ty Cổ phần Nông sản Cavi Việt Nam	171.259.887.300	171.259.887.300	541.309.417.500	541.309.417.500	
Công ty CP Đầu tư Hoàn Kiếm	261.785.868.420	261.785.868.420	-	-	
Công ty CP Thương mại và Đầu Tư TIC Hà Nội	208.341.283.200	208.341.283.200	-	-	
Công ty CP Cánh Rau quả	171.961.871.400	171.961.871.400	-	-	
Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Tân Mai	229.867.457.730	229.867.457.730	-	-	
Công ty CP Sản xuất Bao Bì và XNK Hà Nội	98.017.097.220	98.017.097.220	-	-	
Công ty TNHH XNK nông lâm sản Thái Nguyên	187.113.468.320	187.113.468.320	-	-	
Đối tượng khác	15.090.853.137	15.090.853.137	165.208.684.066	165.208.684.066	
Tổng	1.608.589.994.627	1.608.589.994.627	1.182.249.205.896	1.182.249.205.896	

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	120.644.640.080	120.644.640.080	-	8.795.359.920	129.440.000.000	129.440.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Bình Dương (1)	120.644.640.080	120.644.640.080	-	8.795.359.920	129.440.000.000	129.440.000.000
Vay dài hạn	84.279.746.670	84.279.746.670	43.391.519.716	-	40.888.226.954	40.888.226.954
Ngân hàng Vietcombank (2)	84.279.746.670	84.279.746.670	43.391.519.716	-	40.888.226.954	40.888.226.954
Tổng	204.924.386.750	204.924.386.750	43.391.519.716	8.795.359.920	170.328.226.954	170.328.226.954

Đơn vị tính: VND

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng cấp hạn mức số 25/2019/HĐHM-PN/SHB.130200 ngày 02/7/2019 với ngân hàng TMCP SG- HN. Hạn mức tính dụng: 1.247.951.000.000 đồng. Mục đích vay nhằm Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay theo từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tổng Công ty, do dịch bệnh covid, kinh doanh khó khăn, Tổng Công ty đã có văn bản đề nghị Ngân hàng cơ cấu lại khoản nợ này.

(2) Khoản vay Vietcombank - Chi nhánh Sở Giao dịch (Chi nhánh đầu mối), Vietcombank - CN Thăng Long, Vietcombank - CN Nam Hà Nội theo Hợp đồng vay số KHI-200166/HĐCVDĐT/VEGETEXCO ngày 22/9/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số SD01 - ĐCVDĐT ngày 23/10/2020. Hạn mức tín dụng: 650.000.000.000 đồng. Mục đích tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án Tòa nhà hỗn hợp số 02 Phạm Ngọc Thạch, thời gian vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân/cấp tín dụng đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo cầm cố thế chấp là:

- Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 200166/KHI/HĐTC/QSDD/VEGETEXCO ngày 22/9/2020. Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty tại thửa đất tại số 02 Phạm Ngọc Thạch, P. Kim Liên, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội; các tài sản gắn liền với đất. Giá trị quyền sử dụng đất thế chấp là: 160.449.000.000 đồng.
- Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 01-2020/MMTB/VEG ngày 22/9/2020. Tài sản bảo đảm là toàn bộ máy móc thiết bị và các động sản khác hình thành trong tương lai thuộc dự án "Tòa nhà hỗn hợp số 02 Phạm Ngọc Thạch" thuộc sở hữu của Tổng Công ty. Giá trị máy móc thiết bị thế chấp là: 101.637.000.000 đồng.
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản hình thành từ dự án số 01-2020/QTS/VEG ngày 22/9/2020. Tài sản bảo đảm là tất cả các quyền tài sản hình thành từ dự án "Tòa nhà hỗn hợp số 02 Phạm Ngọc Thạch", bao gồm nhưng không giới hạn bởi quyền thu tiền bán các căn hộ chung cư của Dự án, quyền thu tiền từ cho thuê điện tích sản kinh doanh dịch vụ thương mại và các dịch vụ khác, quyền thụ hưởng các hợp đồng bảo hiểm và quyền thu tiền đối với các khoản lợi thu được từ kinh doanh khai thác dự án. Giá trị tài sản đảm bảo là: 01 đồng.



**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.15 Người mua trả tiền trước

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	101.655.233.643	481.316.580
Công ty WILSON	100.000.000	-
Công ty CP Nông nghiệp Việt Phi	101.000.000.000	-
Đối tượng khác	555.233.643	481.316.580
Tổng	101.655.233.643	481.316.580

5.16 Chi phí phải trả

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	2.939.192.149	1.427.346.598
Chi phí lãi vay phải trả	1.945.791.653	192.378.082
Chi phí mua hàng	-	417.409.760
Chi phí xuất khẩu	560.242.868	-
Chi phí khác	433.157.628	817.558.756
Tổng	2.939.192.149	1.427.346.598

5.17 Phải trả khác

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	602.671.516	694.075.730
Kinh phí công đoàn	111.605.026	71.009.240
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	100.000.000
Các khoản phải trả khác	491.066.490	523.066.490
Dài hạn	288.068.110.063	426.791.318.317
Ông Chu Văn Dũng (1)	23.021.917.286	22.135.364.486
Ông Nguyễn Toàn Thắng (2)	22.635.725.200	21.702.918.150
Ông Nguyễn Hồng Quang (3)	240.850.000.000	240.850.000.000
Công ty CP Tân Mai (4)	405.297.386	5.757.878.863
Công ty CP Đầu tư Hoàn Kiếm (4)	-	16.732.451.122
Công ty CP và TM đầu tư TIC Hà Nội (4)	1.052.877.991	16.169.566.134
Công ty Bao bì và Xuất Nhập Khẩu (4)	-	23.578.300.814
Công ty CP Đầu tư và TM Tín Phát (4)	-	43.095.727.440
Công ty TNHH XNK Nông lâm Thái Nguyên (4)	-	26.344.062.763
Công ty CP Cảng Rau quả (4)	-	10.110.435.145
Cổ tức năm 2016	36.651.950	50.323.400
Cổ tức năm 2017	65.640.250	264.290.000
Tổng	288.670.781.579	427.485.394.047

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.17 Phải trả khác (Tiếp theo)

- (1) Khoản phải trả dài hạn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2302/2018/HTKD/TDT-VEG giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - CTCP và Ông Chu Văn Dũng ngày 23 tháng 02 năm 2018. Theo đó, ông Chu Văn Dũng góp toàn bộ giá trị hợp đồng, khoản góp sẽ giao cho Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần có toàn quyền quản lý, sử dụng vốn góp để thực hiện các công việc trong các phương án đầu tư. Tổng giá trị vốn góp theo thỏa thuận hợp đồng này là 36.896.665.200 đồng chẵn. Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ vốn góp sau khi thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.
- (2) Khoản phải trả dài hạn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2802/2018/HTKD/TR-NTT giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - CTCP và Ông Nguyễn Toàn Thắng ngày 28 tháng 02 năm 2018. Theo đó, ông Nguyễn Toàn Thắng góp toàn bộ giá trị hợp đồng, khoản góp sẽ giao cho Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần có toàn quyền quản lý, sử dụng vốn góp để thực hiện các công việc trong các phương án đầu tư. Tổng giá trị vốn góp theo thỏa thuận hợp đồng này là 23.000.000.000 đồng chẵn. Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ vốn góp sau khi thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.
- (3) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0311/2020/HTKD/NHQ-VEG ngày 03/11/2020 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0312/2020/HTKD/NHQ-VEG ngày 03/12/2020 giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - CTCP và ông Nguyễn Hồng Quang. Theo đó, Ông Nguyễn Hồng Quang góp toàn bộ, khoản vốn góp sẽ giao cho Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần quản lý, có toàn quyền quản lý, sử dụng vốn góp để thực hiện các công việc trong các phương án đầu tư. Thời gian hợp tác dự kiến là 18 tháng kể từ ngày có hiệu lực. Tổng giá trị vốn góp theo thỏa thuận hai hợp đồng này là 240.850.000.000 đồng chẵn. Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ vốn góp sau khi thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.
- (4) Khoản phải trả lãi chậm trả tiền hàng theo các hợp đồng mua hàng với lãi suất 10,5%/năm trên số dư nợ thực tế chưa thanh toán.

5.18 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	713.000.000.000	37.494.931.040	750.494.931.040
Tăng trong năm	-	28.686.631.583	28.686.631.583
Lãi trong năm	-	28.686.631.583	28.686.631.583
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	713.000.000.000	66.181.562.623	779.181.562.623
Số dư tại 01/01/2021	713.000.000.000	66.181.562.623	779.181.562.623
Tăng trong kỳ	-	2.507.617.033	2.507.617.033
Lãi trong kỳ	-	2.507.617.033	2.507.617.033
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2021	713.000.000.000	68.689.179.656	781.689.179.656

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CP Tập đoàn T&T	249.550.000.000	249.550.000.000
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	106.950.000.000	106.950.000.000
Công ty TNHH Nông nghiệp T&T	158.024.090.000	158.024.090.000
Tổng Công ty CP Bảo hiểm hàng không Việt Nam	108.238.000.000	71.300.000.000
Cổ đông khác	90.237.910.000	127.175.910.000
Tổng	713.000.000.000	713.000.000.000

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	713.000.000.000	713.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	713.000.000.000	713.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	71.300.000	71.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	71.300.000	71.300.000
Cổ phiếu phổ thông	71.300.000	71.300.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	71.300.000	71.300.000
Cổ phiếu phổ thông	71.300.000	71.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.287.744.241.220	2.859.305.539.841
Tổng	1.287.744.241.220	2.859.305.539.841

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.291.506.618.389	2.863.600.182.365
Hoàn nhập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.321.807.056)	-
Tổng	1.289.184.811.333	2.863.600.182.365

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	983.578.707	89.119.590.096
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	132.423.555	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	30.871.838.871	32.524.223.633
Lãi bán các khoản đầu tư	-	14.374.167.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	780.891.015	13.277.489.900
Tổng	32.768.732.148	149.295.470.629

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí lãi vay	8.034.633.347	21.825.298.617
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	227.683.526	2.577.559.241
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	86.071.587.110
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.462.221.821	-
Tổng	9.724.538.694	110.474.444.968

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.437.212.417	16.373.563.160
Chi phí nhân viên quản lý	7.593.690.041	7.660.077.829
Chi phí vật liệu quản lý	298.718.697	378.580.768
Chi phí đồ dùng văn phòng	35.754.213	213.092.863
Chi phí khấu hao TSCĐ	589.383.425	762.733.508
Thuế, phí và lệ phí	2.199.607.100	2.414.800.951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.324.595.458	2.510.092.766
Chi phí bằng tiền khác	1.395.463.483	2.434.184.475
Chi phí bán hàng	5.427.303.640	5.609.159.792
Chi phí nhân viên quản lý	1.392.977.047	2.182.502.392
Chi phí vật liệu quản lý	791.462.163	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.451.837	381.746.957
Chi phí khấu hao	449.689.911	414.610.562
Thuế, phí, lệ phí	-	99.679.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.162.032.411	2.214.441.332
Chi phí khác bằng tiền	627.690.271	316.178.777

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	4.823.646	340.772.464
Tổng	4.823.646	340.772.464
Chi phí khác		
Giá trị còn lại TSCĐ ghi giảm	-	9.016.749.712
Chi phí khấu hao tài sản không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	228.752.190	-
Chi phí khác	3.099.707	760.111.872
Tổng	231.851.897	9.776.861.584
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(227.028.251)	(9.436.089.120)

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.507.617.033	3.106.513.065
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.507.617.033	3.106.513.065
Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	71.300.000	71.300.000
Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	71.300.000	71.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	35,17	43,57

6.8 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.507.617.033	3.106.513.065
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	71.300.000	71.300.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (i)	70.993.900	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	17,62	43,57

(i) Theo Nghị quyết 14/2021NQ-HĐQT ngày 16/7/2021 của Hội đồng Quản trị về việc kết thúc đợt chào bán Cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu từ 05/4/2021 đến 15/7/2021, theo đó số cổ phiếu đã bán là: 70.993.900 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.090.180.860	973.420.588
Chi phí nhân công	8.986.667.088	9.842.580.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.644.873.615	1.500.125.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.486.627.869	29.644.921.837
Chi phí khác bằng tiền	4.261.966.904	2.750.363.252
Tổng	20.470.316.336	44.711.411.826

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****Các tài sản tiềm tàng**

Theo biên bản làm việc Ngày 15/12/2020 giữa Cục thuế Thành phố Hà Nội và Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần, Tổng Công ty được điều chỉnh giảm số thuế TNDN truy thu qua kiểm tra và số tiền chậm nộp tương ứng do xác định lại chi phí lãi vay được trừ theo quy định, tại Điều 1 Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020, Số thuế TNDN truy thu điều chỉnh giảm: 11.852.996.275 đồng, tiền chậm nộp điều chỉnh giảm tương ứng: 1.891.738.205 đồng. Toàn bộ số thuế điều chỉnh giảm này Tổng Công ty được bù trừ vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong các năm tiếp theo nhưng tối đa không quá 05 năm kể từ năm 2020. Tổng Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được bù trừ cho các năm tài chính tiếp theo (tối đa không quá 5 năm kể từ năm 2020 do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này).

7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày 27/4/2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục bùng phát lần thứ tư tại Việt Nam với những diễn biến phức tạp, khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Tổng Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên, rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Tổng Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/NQ-HĐQT ngày 29/12/2020, Tổng Công ty thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty CP Xuất nhập khẩu nông lâm sản chế biến, tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tổng Công ty vẫn chưa thực hiện việc thoái vốn nêu trên.

Theo Nghị quyết 14/2021NQ-HĐQT ngày 16/7/2021 của Hội đồng Quản trị về việc kết thúc đợt chào bán Cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu, theo đó số cổ phiếu đã bán là: 70.993.900 cổ phiếu, giá trị cổ phiếu đợt chào bán là 1.774.847.500.000 đồng, số nhà đầu tư được phân phối 4 nhà đầu tư, số cổ phiếu không phân phối hết 306.100 cổ phiếu Hội đồng Quản trị quyết định hủy bỏ. Theo đó, số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của Tổng Công ty tăng từ 71.300.000 cổ phiếu lên 142.293.900 cổ phiếu, Vốn điều lệ của Tổng Công ty tăng từ 713 tỷ đồng lên 1.422.939.000.000 đồng. Theo nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐQT ngày 19/7/2021 về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Tổng Công ty, kế hoạch sử dụng số tiền từ đợt chào bán: (1) Bổ sung vốn cho hoạt động hợp tác kinh doanh 694.046.655.360 đồng, (2) Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh nông sản, các loại hạt... 1.080.800.844.640 đồng.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2021.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Luong và thù lao	577.722.222	1.557.546.933
Tổng		577.722.222	1.557.546.933

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Cho vay			-	280.575.370.473
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Cổ đông lớn	Các khoản phải thu cho vay, hợp tác kinh doanh	-	280.575.370.473
Cổ tức được chia			26.708.724.871	2.130.919.633
Công ty Cổ phần Thực phẩm XNK Tân Bình	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	-	2.130.919.633
Công ty TNHH Liên doanh Crown Hà Nội	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	22.850.354.670	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	3.858.370.201	-

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn			26.708.724.871	45.506.954.916
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Cổ đông lớn	Hợp tác kinh doanh	-	506.954.916
Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên HĐQT	Hợp tác kinh doanh	-	45.000.000.000
Công ty TNHH Liên doanh Crown Hà Nội	Công ty liên kết		22.850.354.670	
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	Công ty liên kết		3.858.370.201	

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội ngày 23 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh



Tổng Giám đốc



Lê Anh Dũng